

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11/6/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà - Thẩm phán: Ông Mạc Minh Quang.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa, bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà - thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: An Hoàng Văn T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, thị xã C, Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Mạc Thị H, sinh năm 1983

Nơi đăng ký trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã D, thị xã C, Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mạc Thị H trước đây đã đăng ký kết hôn vào năm 2000 nhưng sau đó mâu thuẫn và đã làm thủ tục ly hôn tại TAND thị xã Chí Linh. Sau khi ly hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng anh lại quay về chung sống với nhau. Cho nên ngày 17/6/2009 anh chị đã làm thủ tục đăng lý kết hôn tại UBND xã D, thị xã C. Sau đó, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2012 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và đến năm 2013 anh cũng xuất khẩu lao động tại Ăng- gô- na. Vợ chồng sống xa nhau từ đó và cho đến tháng 4 năm 2015 chị H đi Nhật, còn anh đến tháng 10 năm 2015 thì Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh không đồng ý cho chị H đi du học tại Nhật Bản nhưng chị H vẫn quyết đi. Vì vậy vợ chồng bất hòa, không tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2015, đầu năm 2016 cho đến nay.

Hiện anh chị không còn tình cảm và quan tâm đến nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Nên anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Hoàng Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/01/2002. Hiện cháu đang ở với bố mẹ đẻ chị H. Nếu ly hôn, anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

* *Bị đơn chị Mạc Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận trước đây chị và anh T đã từng kết hôn và ly hôn một lần vào năm 2005. Sau đó hai người vẫn còn tình cảm và có thể hàn gắn được tình cảm để nuôi dạy con chung nên hai người đã đăng ký kết hôn lại lần 2 như anh T trình bày là đúng. Đến năm 2012 chị đi lao động tại Đài Loan từ đó anh chị tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và không liên lạc. Đến năm 2015 chị hết hạn hợp đồng lao động tại Đài Loan trở về Việt Nam sau đó chị tiếp tục sang Nhật Bản lao động, trong thời gian này hai người cũng không liên lạc và gặp nhau. Nay vợ chồng không thể chung sống cùng nhau nên anh T xin ly hôn, chị nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung như anh T trình bày là đúng. Nếu ly hôn, chị đề nghị giải quyết theo sự lựa chọn cháu A.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng không có.

Hiện nay, chị đang cư trú ở Nhật Bản, vì cư trú bất hợp pháp nên không cung cấp được địa chỉ cụ thể cho Tòa án, chị có văn bản gửi từ Nhật Bản về Việt Nam trình bày quan điểm giải quyết vụ án và ủy quyền cho ông Mạc Đình S thay mặt chị giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

* Ông Mạc Đình S trình bày: Ông nhất trí nhận sự ủy quyền của chị H về việc giao, nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

* Tại kết luận giám định số 13/KLGĐ ngày 25/5/2018 của Phòng kỹ thuật kinh sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: chữ ký đứng tên Mạc Thị H trên Đơn đề nghị và Đơn đề nghị về việc ủy quyền và giải quyết vụ án vắng mặt (ký hiệu A1, A2) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M3) là do cùng một người ký ra.

* Ngày 12/12/2017 Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an có công văn trả lời Tòa án về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh: xác định chị H xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần đây nhất xuất cảnh vào ngày 25/8/2017 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Anh T và chị H đều có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn T và chị Mạc Thị H; về con chung: giao cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/01/2002 cho đến khi cháu trưởng thành và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Mạc Thị H là đang sinh sống và làm việc ở Nhật Bản nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T và chị H đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị đã từng kết hôn và ly hôn, sau đó lại kết hôn lại và được UBND xã D, thị xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/6/2009, do vậy Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi anh chị kết hôn lại thời gian chung sống bên nhau thì ít mà xa nhau là nhiều, do bất đồng quan điểm sống nên nhiều năm nay anh chị đã không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Hiện nay mỗi người ở một nơi và anh chị đều xác định không còn tình cảm, không thể chung sống. Như vậy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm nay và mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh chị cùng nhất trí ly hôn nên cần công nhận thuận ly hôn giữa anh T và chị H.

- Về con chung: Anh T và chị H có một con chung là cháu Hoàng Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/01/2002. Quan điểm giải quyết con chung: anh T xin được nuôi con, còn chị H đề nghị giải quyết theo sự lựa chọn cháu A. Hiện cháu A đang ở cùng vợ chồng ông Mạc Đình S ở thôn Z, xã Đ, thị xã C và cháu có quan điểm xin được ở với anh T; trong khi chị H lại đang sinh sống ở Nhật Bản. Vì vậy cần giao cho anh T nuôi dưỡng cháu A là phù hợp với chính nguyện vọng của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của anh T.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí giám định tài liệu, anh T tự nguyện chịu cả và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn T và chị Mạc Thị H.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Hoàng Văn T chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/01/2002 cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Văn T không yêu cầu chị Mạc Thị H cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Mạc Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002389 ngày 10/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mạc Minh Quang